TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/DS-ST
Ngày: 04/02/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thới
2. Ông Huỳnh Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 04 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2025/TLST- DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 338/QĐXXST- DS, ngày 22 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2026/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Địa chỉ trụ sở chính số A, N, phường B, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật Ông TEERA VIKA VEE KACHAPHAS- Chức danh: Giám đốc và Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có anh Nguyễn Minh V, sinh năm 1995, địa chỉ số E, đường P, phường P, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 25/12/2024) (Xin vắng mặt)

2. *Bị đơn*: Anh Ngô Thành T, sinh năm 1988 địa chỉ thường trú: Số A, Khóm C, phường L, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2025 và trong quá trình xét xử đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Minh V trình bày:

Ngày 27/6/2024, Công ty Cổ phần S - Chi nhánh V1 01 (Gọi tắt là Công ty) và anh Ngô Thành T có ký kết Hợp đồng cầm cố. Nội dung hợp đồng hai bên thỏa thuận như sau:

- Tài sản cầm cố: 01 xe máy, nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade 125cc F, Biển số xe 64B2-243.87, giấy chứng nhận đăng ký xe số: 123906.

- Số tiền cầm cố 18.670.212 đồng.

- Thời hạn cầm cố là 12 tháng, kể từ ngày giải ngân 27/6/2024.

- Phương thức nhận tiền: Qua tài khoản 17910000014128 tên chủ tài khoản Ngô Thành T tại ngân hàng B chi nhánh H.

- Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh.

- Ngày nhận tiền: Ngày 27/6/2024.

- Về lãi suất cầm cố: Lãi suất trong hạn: lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Lãi suất quá hạn: 150% mức lãi suất trong hạn, được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trả phí quản lý hồ sơ : 1,9%/tháng

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán tiền định kỳ hàng tháng (bao gồm gốc và lãi trong hạn) với số tiền 1,722,365,52 đồng vào ngày 27 hàng tháng (từ tháng 07/2024 đến tháng 06/2025).

- Hình thức thanh toán: nộp tiền mặt tại chi nhánh hoặc chuyển khoản vào số tài khoản của Công ty.

Ngoài ra, Công ty và Anh T còn lập Giấy mượn xe ngày 27/6/2024 các bên thỏa thuận như sau: Công ty cho anh T mượn lại xe honda có thông tin nêu trên để sử dụng nhu cầu đi lại. Nội dung giấy mượn xe như sau:

- Thời gian mượn là 30 ngày, kể từ ngày 27/6/2024 đến ngày 27/7/2024. Trong thời gian mượn xe anh T cam kết sẽ trả lại xe đúng thời hạn và cam kết nếu Công ty yêu cầu giao lại xe thì anh T sẽ chấp hành.

- Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 123906, do Công an tỉnh V cấp ngày 24/3/2020, cấp cho anh Ngô Thành T, hiện do Công ty đang giữ.

* Hợp đồng cầm cố ngày 27/6/2024 được Công ty đăng ký giao dịch bảo đảm tài sản trên hệ thống trực tuyến của Cục Đ - Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 27/6/2024) cho đến ngày 27/11/2024 anh T có thanh toán cho Công ty số tiền là 13.705.000 đồng gồm tiền gốc, lãi và phí. Tính đến ngày khởi kiện số tiền gốc bị đơn còn nợ là 16.633.400đồng, tiền gốc là 10.152.072 đồng, tiền lãi trong hạn là 944.299

đồng, tiền lãi quá hạn là 472.150 đồng, phí hao mòn khi mượn xe: 4.635.652 đồng, phí quản lý hồ sơ 429.227 đồng.

Công ty đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng đến nay anh T vẫn không thanh toán nợ cho Công ty. Do anh T không thanh toán cho nên Công ty đã chuyển sang nợ quá hạn và bắt đầu tính lãi quá hạn. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện. Vì vậy, Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Ngô Thành T có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 07/8/2025 là 16.633.400đồng, Bao gồm tiền lãi trong hạn là 944.299 đồng, tiền lãi quá hạn là 472.150 đồng, phí hao mòn khi mượn xe: 4.635.652 đồng, phí quản lý hồ sơ 429.227 đồng).

Ngoài ra còn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 07/8/2025 cho đến khi trả xong nợ.

Ngày 04/2/2026 nguyên đơn có bản tự khai chỉ yêu cầu bị đơn anh Ngô Thành T phải thanh toán cho Công ty số tiền đến ngày 04/02/2026 là 12.176.088 đồng (Trong đó, tiền gốc là 10.152.872đồng, tiền lãi trong hạn là 789.216đồng, tiền lãi quá hạn là 1.234.000đồng).Nguyên đơn tính lãi suất trong hạn với mức lãi suất 1,1%/tháng tính từ ngày ngưng không trả tiền là 27/11/2024 đến ngày đến hạn hợp đồng ngày 27/6/2025, lãi quá hạn là 150% lãi suất trọng hạn là 1,65%/tháng tính từ ngày hết hạn hợp đồng ngày 28/6/2025 đến ngày 04/02/2026.

Ngoài ra, đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Minh V xin rút lại tất cả các yêu cầu còn lại về phí hao mòn, phí quản lý hồ sơ với số tiền 4.457312 đồng. Về chiếc xe gắn máy mà bị đơn cầm cố thì bị đơn vẫn quản lý sử dụng từ ngày cầm cố cho đến nay. Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 123906, do Công an tỉnh V cấp ngày 24/3/2020, cấp cho anh Ngô Thành T, hiện do Công ty đang giữ, nguyên đơn đồng ý trả lại cho bị đơn khi bị đơn trả đủ tiền nợ cho nguyên đơn. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt phía nguyên đơn.

** Ý kiến của bị đơn anh Ngô Thành T trình bày:* Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn anh T hoàn toàn không có ý kiến hay văn bản gì gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Công ty Cổ phần S Có Ngay có đơn khởi kiện Anh Ngô Thành T, sinh năm 1988 địa chỉ thường trú: Số A, Khóm C, phường I, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ hiện nay: Số A, Khóm C, phường L, tỉnh Vĩnh Long tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T trả số tiền nợ gốc và tiền lãi suất. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a Khoản 1

Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Vĩnh Long.

[1.2] Tại Hợp đồng cầm cố ngày 27/6/2024 đã ghi rõ thông tin nhân thân, địa chỉ Anh Ngô Thành T, sinh năm 1988 địa chỉ thường trú: Số A, Khóm C, phường I, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ hiện nay: Số A, Khóm C, phường L, tỉnh Vĩnh Long. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn theo địa chỉ trong hợp đồng cầm cố, cũng như địa chỉ đăng ký thường trú của anh Ngô Thành T là đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

[1.3] Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ dự phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham dự phiên tòa sơ thẩm vào các ngày 16/01/2026 và ngày 04/02/2026 cho anh T đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Ngày 04/02/2026 đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xin vắng mặt. Do đó, căn cứ Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Minh V và bị đơn Anh Ngô Thành T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu bị đơn anh Ngô Thành T trả số tiền nợ gốc là 10.152.072đồng căn cứ Hợp đồng cầm cố ngày 27/6/2024 thì phía nguyên đơn đã giao số tiền 18.670.212 đồng cho bị đơn và bị đơn giao cho nguyên đơn giữ chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, Biển số xe 64B2-343.87, nguyên đơn lại cho bị mượn lại chiếc xe này để sử dụng, hợp đồng này có chữ ký và ghi họ và tên của bên cầm cố anh Ngô Thành T và bên nhận cầm cố Công ty Cổ phần S – Chi nhánh V1 01. Hợp đồng cầm cố được các bên xác lập trên tinh thần tự nguyện, khi giao dịch các đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đăng ký kinh doanh và tại số thứ tự 27 Điều 4 của Điều lệ Công ty có nêu rõ các ngành nghề kinh doanh của Công ty trong đó có "hoạt động cấp tín dụng khác, chi tiết: dịch vụ cầm đồ", nên Công ty xác lập hợp đồng cầm cố với khách hàng là hợp pháp, đúng với ngành nghề kinh doanh mà Điều lệ của Công ty đã đăng ký, phù hợp quy định tại khoản 4, Điều 3 của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Vì vậy, hợp đồng cầm cố có hiệu lực từ thời điểm giao kết theo quy định tại Khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình thực hiện hợp đồng kể từ ngày nhận tiền đến ngày 27/11/2024 bị đơn đã trả được số tiền gốc, lãi là 13.705.000 đồng. Do đó, anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tòa án nhân dân khu vực 1- Vĩnh Long đã thông báo hợp lệ về việc công khai chứng cứ là Hợp đồng cầm cố ngày 27/6/2024 và các tài liệu chứng cứ kèm theo do nguyên đơn xuất trình, đến tại phiên tòa hôm nay Tòa án nhân dân khu vực 1- Vĩnh Long cũng chưa nhận được chứng cứ nào thể hiện bị đơn phản đối chứng cứ do nguyên đơn đưa ra nên Hợp đồng cầm cố ngày 27/6/2024 và các tài liệu chứng cứ kèm theo nêu trên được xem là tình tiết, văn bản mà nguyên đơn không

phải chứng minh, được quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh Ngô Thành T trả số tiền nợ gốc 10.152.072 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu tiền lãi suất của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ hợp đồng cầm cố các bên thỏa thuận lãi suất cầm cố trong hạn 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Hợp đồng cầm cố giữa nguyên đơn và bị đơn có thời hạn 12 tháng tính từ ngày 27/6/2024 đến hết 27/6/2025 thì hết hạn. Kể từ ngày được giải ngân số tiền 18.670.212đồng (ngày 27/6/2024) đến ngày 27/11/2024 bị đơn đã trả được số tiền gốc 13.705.000 đồng thì ngưng không thanh toán khoản tiền nào cho nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, cụ thể:

"*6. Tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự*".

Và tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, ...*", nên mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi bị đơn phải trả được tính như sau:

- Lãi trong hạn được tính như sau: (10.152.872đồng x 1,1%/tháng x 212 ngày (từ ngày 27/11/2024 đến ngày 27/6/2025) = 789.216 đồng.

- Lãi quá hạn được tính như sau: (10.152.872đồng x 1,65%/tháng x 221 ngày (từ ngày 28/6/2025 đến ngày 04/02/2026) = 1.234.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi suất là: 2.023.216đồng. Như vậy, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng vốn gốc và lãi là 12.176.088 đồng.

[4] Về chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Biển số 64B2- 343.87 sau khi ký hợp đồng cầm cố với nguyên đơn thì nguyên đơn và bị đơn ký Giấy mượn xe ngày 27/6/2024 với nội dung nguyên đơn không có giữ chiếc xe của bị đơn mà giao chiếc xe Biển số 64B2- 343.87 cho bị đơn quản lý sử dụng cho đến nay. Đại diện nguyên đơn Anh V có ý kiến đồng ý trả lại cho anh T bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 123906, do Công an tỉnh V cấp cho anh Ngô Thành T ngày 24/3/2020 khi anh T trả xong nợ cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì phía nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 4.457.312 đồng.

[6] Về án phí dân sự: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Ngô Thành T chịu án phí có giá ngạch trên số tiền mà anh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn được tính như sau: 12.176.088đồng x

5% = 609.000đồng (Sáu trăm lẽ chín nghìn đồng). Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92; Điều 147, 266, 273, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào các Điều 117, 309, 310 và Điều 311 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 1, 7, 8 và Điều 24 của Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ vào các Điều 3, 29 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với Anh Ngô Thành T.

2. Buộc Anh Ngô Thành T có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền là 12.176.088đồng (Mười hai triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm tám mươi tám đồng), (Trong đó: nợ gốc 10.152.872đồng, tiền lãi là 2.023.216 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì phía nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 4.457.312 đồng.

4. Buộc Công ty Cổ phần S Ngay trả lại cho anh Ngô Thành T bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 123906, do Công an tỉnh V cấp cho anh Ngô Thành T ngày 24/3/2020.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Buộc Anh Ngô Thành T phải nộp số tiền 609.000đồng (Sáu trăm lẽ chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền 416.000đồng (Bốn trăm mười sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu : BLTU/25E số 0003463 ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai đại diện nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND. Tỉnh Vĩnh Long 01;
- VKSND khu vực 1-Vĩnh Long 01;
- THADS tỉnh Vĩnh Long 01;
- Các đương sự 02;
- Lưu hồ sơ 03.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Diễm